



Thúc đẩy chuyển giao và thương mại hóa tri thức: Chiến lược chuyển giao: Tri thức từ các trường đại học và tổ chức nghiên cứu khu vực công tại Việt Nam

Don Scott-Kemmis - Tháng 11 năm 2022

Nhận thấy rằng giai đoạn phát triển tiếp theo của Việt Nam sẽ tập trung nhiều hơn vào hoạt động đổi mới sáng tạo và xây dựng năng lực đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, chính sách ngày càng quan tâm đến vai trò của các trường đại học trong việc đóng góp vào sự phát triển của các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

Báo cáo này nhằm cung cấp thông tin tổng quan về các nghiên cứu quốc tế về quá trình chuyển giao tri thức từ các trường đại học và tổ chức nghiên cứu công sang những ngành nghề và đối tượng người dùng khác. Báo cáo này kết hợp các nghiên cứu tình huống về quá trình phát triển chính sách chuyển giao tri thức và hiệu suất tại bốn quốc gia: Hoa Kỳ, Úc, Trung Quốc và Đài Loan.

Các nghiên cứu tình huống này cũng dựa trên những nghiên cứu và đánh giá về chính sách của chính phủ để xác định các rào cản đã được nhận định là gây cản trở đến hiệu quả của quá trình chuyển giao tri thức.

Góc nhìn từ kinh nghiệm quốc tế

- Các trường đại học đang đóng vai trò ngày càng tích cực trong hoạt động mở rộng phạm vi các kênh chuyển giao tri thức và những vai trò đó được công nhận là có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu suất của các hệ thống đổi mới sáng tạo. Vì lý do này, trường đại học chính là yếu tố trọng tâm thúc đẩy việc lồng ghép chính sách ở cấp quốc gia và khu vực.
- Nhiều doanh nghiệp tương tác với Văn phòng chuyển giao nghiên cứu (RTO) nhằm thực hiện các mục tiêu liên quan đến doanh nghiệp (bao gồm hỗ trợ cải thiện quy trình quản lý, chiến lược hoặc hoạt động) cũng như các mục tiêu liên quan đến hoạt động đổi mới sáng tạo.
- Mối liên quan về công nghệ giữa tri thức mới với cơ sở tri thức của doanh nghiệp và năng lực công nghệ của doanh nghiệp là hai trong số những yếu tố quan trọng nhất quyết định khả năng thành công của quá trình chuyển giao tri thức.
- Các kênh cấp bằng sáng chế/cấp phép chỉ chiếm một phần nhỏ lượng tri thức được chuyển giao từ RTO sang các ngành; và tổng thu nhập từ hoạt động chuyển giao tri thức – và do đó, việc tập trung quá nhiều vào kênh này có thể làm giảm hiệu quả chuyển giao tri thức tổng thể. Chỉ một phần nhỏ tri thức được tạo ra trong các tổ chức nghiên cứu và công nghệ được hệ thống hóa vào bằng sáng chế.
- Các tổ chức chuyển giao tri thức cần đạt đến quy mô tới hạn nhằm duy trì đủ số lượng nhân viên cần thiết để hoạt động hiệu quả; họ cần tuyển dụng nhân viên có trình độ và kinh nghiệm để đạt được hiệu quả. Hầu hết các tổ chức chuyển giao tri thức là trung tâm giám định chi phí, chứ không phải là đơn vị tạo

ra doanh thu. Các phương pháp chuyển giao tri thức tìm cách tối đa hóa doanh thu có thể dẫn đến việc các tổ chức chuyển giao tri thức trở thành trở ngại chứ không phải là đơn vị hỗ trợ chuyển giao tri thức.

- Đối với nhiều công ty, sự khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác RTO cùng những lo ngại về việc thiếu khả năng hợp tác hiệu quả và tiếp thu kiến thức thường là những hạn chế lớn đối với các doanh nghiệp kinh doanh. Tương đối ít công ty xác định các tổ chức nghiên cứu và công nghệ là nguồn tri thức cực kỳ quan trọng đối với quá trình đổi mới sáng tạo (mặc dù tỷ lệ đó dường như đang tăng lên), cho dù nhiều công ty khác có một số hình thức tương tác với các tổ chức nghiên cứu và công nghệ. Rất ít công ty phân bổ nguồn lực đáng kể và thời gian của nhân viên để hợp tác với các tổ chức nghiên cứu và công nghệ.
- Trong khi cả các tổ chức kinh doanh, nghiên cứu và công nghệ đều đóng vai trò tích cực trong quá trình phát triển và hỗ trợ tương tác, thì phần lớn các nhà nghiên cứu và nhân viên chuyên môn đều là những người giúp khởi tạo và duy trì các mối quan hệ, nhấn mạnh tầm quan trọng của mạng lưới và nguồn vốn xã hội của các cá nhân.
- Các nhà nghiên cứu cần tham gia vào quá trình chuyển giao tri thức, đặc biệt là trong giai đoạn đầu và sự tham gia của các nhà nghiên cứu chính là yếu tố quyết định đến tốc độ và khả năng thành công của quá trình chuyển giao tri thức.
- Đầu mối liên hệ không chính thức của các nhà nghiên cứu với các mạng lưới ngành và cá nhân đóng một vai trò quan trọng với các mối quan hệ nghiên cứu - ngành nghề và trong quá trình chuyển giao tri thức.
- Bắt buộc cộng tác trong giai đoạn đầu của hoạt động nghiên cứu – khi mức độ thiếu chắc chắn về tiềm năng của công nghệ vẫn còn rất cao – không khuyến khích các nhà nghiên cứu công bố kết quả nghiên cứu của họ.
- Hiệu quả của các công ty con phái sinh do nhà nghiên cứu dẫn dắt như một kênh chuyển giao tri thức phụ thuộc nhiều vào bối cảnh – và rất ít môi trường cung cấp điều kiện thuận lợi cho các khu vực như Thung lũng Silicon.

Quá trình phát triển chính sách và thực tiễn thương mại hóa tại hầu hết các quốc gia OECD đều có thể được coi là phát triển qua bốn giai đoạn:

- **Giai đoạn 1: Khuôn khổ cấp phép-cấp bằng sáng chế**
Xác nhận quyền sở hữu của trường đại học đối với Tài sản trí tuệ cùng với trách nhiệm của trường đại học đối với hoạt động thương mại hóa tích cực. Điều này dẫn đến hoạt động cấp bằng sáng chế và cấp phép – và mức độ tương tác giữa trường đại học và doanh nghiệp ngày càng tăng.
- **Giai đoạn 2: Tăng cường hợp tác nghiên cứu và tăng cường quản trị**
Thất vọng với hiệu suất thương mại hóa và nhận thức ngày càng tăng về các rào cản đối với quá trình chuyển giao tri thức. Điều này dẫn đến việc tăng cường chuyên môn hóa các Văn phòng chuyển giao công nghệ (TTO) và nhiều chương trình của chính phủ nhằm khuyến khích và hỗ trợ hợp tác nghiên cứu giữa ngành và lĩnh vực nghiên cứu, cùng với việc tăng cường tập trung vào hoạt động phân bổ kinh phí nghiên cứu cho các ưu tiên của ngành.
- **Giai đoạn 3: Các công ty con phái sinh và công ty khởi nghiệp**
Tăng cường cơ hội khởi nghiệp dựa trên công nghệ, kích thích sự phát triển của các công ty con phái sinh và các sáng kiến nhằm nâng cao vai trò của các trường đại học trong việc hỗ trợ khởi nghiệp và các hệ thống khởi nghiệp.

- **Giai đoạn 4: Vượt ra ngoài khuôn khổ – đánh giá lại về trường đại học phát triển trong các hệ thống đổi mới sáng tạo**

Đánh giá lại về cách các trường đại học đào tạo nhân tài và kiến thức, cũng như cách họ hợp tác với các doanh nghiệp và các tổ chức khác để đóng góp cho tiến trình phát triển, bền vững và bình đẳng.

Đánh giá các rào cản đối với quá trình chuyển giao tri thức tại Việt Nam

Trong khi một số trường đại học lớn ở Việt Nam có một số trường hợp chuyển giao công nghệ thông qua giấy phép hoặc công ty con phái sinh, thì mức độ thương mại hóa công nghệ nói chung là rất hạn chế và không phải là nguồn thu đáng kể cho các trường đại học.

Các rào cản chính đối với quá trình chuyển giao tri thức tại Việt Nam

Dựa trên các cuộc thảo luận với các trường đại học, chính phủ và các nguồn khác trong số các rào cản chính đối với hoạt động chuyển giao tri thức ở Việt Nam bao gồm:

- Quyền sở hữu tài sản trí tuệ (IP): các trường đại học không có quyền sở hữu IP được tạo ra từ nguồn tài chính công và thiếu quyền tự do hoạt động trong việc thương mại hóa IP.
- Tình trạng việc làm của các nhà nghiên cứu với tư cách là công chức hạn chế vai trò và động lực của họ đối với hầu hết các loại hình chuyển giao tri thức, đặc biệt là thương mại hóa.
- Nhu cầu của ngành đối với tri thức mới từ các trường đại học là hạn chế.
- Các trường đại học thiếu khả năng và nguồn lực cho việc thương mại hóa.
- Một số trường đại học và chính phủ chỉ tập trung vào một số kênh chuyển giao tri thức.

Các rào cản đối với quá trình chuyển giao tri thức - kinh nghiệm của các quốc gia trong nghiên cứu tình huống

Kinh nghiệm quốc tế và kinh nghiệm của bốn quốc gia nghiên cứu tình huống (Mỹ, Trung Quốc, Đài Loan và Úc) cung cấp những hiểu biết sâu sắc liên quan đến việc xây dựng chính sách chuyển giao tri thức ở Việt Nam, bao gồm:

- Tương tác hiệu quả giữa trường đại học và doanh nghiệp là thách thức ở tất cả các quốc gia. Khoảng cách về văn hóa, tổ chức và động lực là rất lớn và do đó những thách thức mang tính hệ thống.
- Vai trò chính của các trường đại học trước đây là giảng dạy – và do đó chuyển giao tri thức cho sinh viên tốt nghiệp – và đây vẫn là vai trò chính của họ.
- Hầu hết các doanh nghiệp không coi các trường đại học là nguồn cung cấp công nghệ cũng như tri thức chính cho hoạt động đổi mới sáng tạo.
- Có một xu hướng rõ ràng ở hầu hết các quốc gia là khẳng định quyền sở hữu trí tuệ của trường đại học đối với tài sản trí tuệ từ nghiên cứu do nhà nước tài trợ, cho phép các trường đại học tự do (và chịu trách nhiệm) hoạt động, buộc họ phải chịu trách nhiệm về hiệu suất chuyển giao tri thức và trong nhiều trường hợp là hỗ trợ họ phát triển khả năng quản lý việc chuyển giao tri thức một cách hiệu quả.

- Cách tiếp cận chuyển giao tri thức theo định hướng hệ thống hơn đã phát triển ở hầu hết các quốc gia và điều này được thể hiện trong các chính sách của chính phủ nhằm định hình và hỗ trợ hệ thống chuyển giao tri thức (tăng cường liên kết, nâng cao năng lực và hỗ trợ hợp tác), với nhận thức ngày càng tăng về sự cần thiết phải giải quyết bên phía có nhu cầu. Điều này thể hiện quan điểm lấy doanh nghiệp làm trung tâm hơn. Điều này cũng thể hiện nhận thức rằng đầu tư nhân tài vào nghiên cứu ở các trường đại học bổ sung nhưng không thể thay thế cho đầu tư tư nhân. Các sáng kiến nhằm thúc đẩy mối liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp nói chung diễn ra song song với việc tăng tài trợ cho nghiên cứu của trường đại học. Tuy nhiên, nhiều chương trình tài trợ cũng tìm cách hướng nghiên cứu đến các lĩnh vực có tiềm năng ứng dụng cao.
- Tầm quan trọng tương đối trong các hoạt động chuyển giao tri thức tổng thể của các trường đại học, về thương mại hóa các kết quả nghiên cứu đã giảm tại hầu hết các quốc gia này.
- Nhu cầu của ngành về tuyển dụng, tư vấn, hợp đồng nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu nói chung cao hơn nhiều so với cấp phép công nghệ.
- Các trường đại học ngày càng tích cực hơn trong việc thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của nhân viên và sinh viên, bên cạnh bất kỳ sáng kiến nào hỗ trợ các công ty con phái sinh. Trong nhiều trường hợp, các hoạt động hỗ trợ tinh thần khởi nghiệp được phát triển với sự cộng tác của chính quyền khu vực.
- Các tổ chức chuyển giao tri thức, vườn ươm, trung tâm nghiên cứu chung, công viên khoa học là những đổi mới sáng tạo thể chế đã được phát triển để đáp ứng nhu cầu tăng cường hệ thống đổi mới sáng tạo.
- Các trung gian chuyển giao tri thức và các chính sách thúc đẩy chuyển giao tri thức cần có thời gian để trở nên hiệu quả và những người tham gia, các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách và các nhà tài trợ sẽ học hỏi được những gì có hiệu quả.
- Các chính quyền khu vực ngày càng trở thành đối tác với các trường đại học để phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, thường tài trợ cho việc xây dựng mạng lưới và các cơ sở chuyển giao tri thức.

Các lựa chọn chính sách giúp tăng cường chuyển giao tri thức tại Việt Nam

Các nguyên tắc sau đây, dựa trên kinh nghiệm quốc tế, cung cấp thông tin cho các gợi ý về chính sách của báo cáo:

- Mục tiêu chính của chuyển giao tri thức từ các trường đại học là tạo ra giá trị kinh tế và xã hội tối đa, và đây phải là tiêu chí để đánh giá hiệu suất chuyển giao tri thức quốc gia.
- Tác động của hoạt động đổi mới sáng tạo đối với việc tạo ra giá trị kinh tế và xã hội được xác định bởi mức độ áp dụng và phổ biến trong nền kinh tế.
- Việc tạo ra giá trị kinh tế và xã hội thông qua đổi mới sáng tạo phần lớn đến từ việc gia tăng hoạt động đổi mới sáng tạo, được hỗ trợ nhờ sự phổ biến kiến thức và công nghệ.
- Việc quản lý hiệu quả việc chuyển giao tri thức từ các trường đại học là trách nhiệm của các trường đại học và các trường đại học phải có “quyền tự do hoạt động” – có tính đến các mục tiêu chính sách của chính phủ – và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của mình.

- Hệ thống chuyển giao tri thức rất phức tạp, tất cả các kênh đều quan trọng và một hệ thống hiệu quả đòi hỏi nguồn cung mạnh, nhu cầu mạnh và liên kết linh hoạt. Do đó, có sự bổ sung giữa nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chính sách ngành dẫn đến những thách thức cho việc phối hợp.
- Về chuyển giao tri thức và tiếp thu tri thức, mức độ tham vọng, khả năng và cơ hội sẽ rất khác nhau giữa các loại hình trường đại học và doanh nghiệp.
- Kinh nghiệm quốc tế chứng minh rằng sự phát triển của một hệ thống chuyển giao tri thức hiệu quả bao gồm một quá trình học tập lâu dài, qua đó tất cả những người tham gia – bao gồm cả các nhà hoạch định chính sách – xây dựng sự hiểu biết, năng lực và mối quan hệ.

Báo cáo đầy đủ đề xuất năm lĩnh vực ưu tiên chính sách được thiết kế để ứng phó với các rào cản chuyển giao tri thức đã xác định: quyền sở hữu IP và quyền tự do hoạt động; chiến lược chuyển giao tri thức và các chương trình hỗ trợ phát triển tổ chức; hỗ trợ phát triển Tổ chức Chuyển giao Tri thức Quốc gia; phát triển phía cầu của chuyển giao tri thức và tăng cường liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp; và giải quyết tình trạng thiếu hụt về bằng chứng khái niệm.

For further information

Dr Andy Hall
Andrew.Hall@csiro.au
csiro.au/agriculture

SPONSORED BY



MANAGED BY



IN PARTNERSHIP WITH

